TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BIÊN HÒA
TỈNH ĐỒNG NAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 39/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 14/02/2022
" V/v tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA-TỈNH ĐỒNG NAI

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Triều Châu.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Chánh.
2. Bà Thiều Thị Phi Loan

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Anh Thư - Thư ký TAND TP.Biên Hòa.

- ***Đại diện VKSND thành phố Biên Hòa*** *tham gia phiên tòa*: Ông Mai Văn Thông - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 02 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 714/2021/TLST-HNGĐ ngày 08/4/2021 về việc "Tranh chấp ly hôn " giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Võ Văn K, sinh năm 1954.

Trú tại: K4/15B, khu phố Tân Mỹ, phường Bửu Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

2. Bị đơn: Bà Trần Thị G, sinh năm 1957.

Trú tại: K5/21, khu phố Tân Bản (nay là khu phố 3), phường Bửu Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

(Ông K có đơn xin vắng mặt, bà G vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*****Theo đơn khởi kiện về việc ly hôn, bản tự khai của nguyên đơn ông Võ Văn K trình bày: Ông K và bà G tự nguyện yêu thương nhau và có đăng ký kết hôn năm 1974 tại Ủy ban nhân dân xã Tân Hạnh, Quận Dĩ An, Tỉnh Biên Hòa (nay là phường Tân Hạnh, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai). Quá trình chung sống không hạnh phúc nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không có tiếng nói chung nên thường xuyên gây gỗ và đã sống ly thân từ năm 2010 đến nay. Nay ông không còn tình cảm với bà G nên đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Có 02 con chung tên Võ Thị Minh C, sinh năm 1982 và Võ Đăng K, sinh năm 1984. Các con chung đã trưởng thành và có khả năng lao động nên đề nghị Tòa án không xem xét.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Vì lý do bận công việc ông K đề nghị Tòa án cho ông được vắng mặt tại phiên tòa xét xử.

*Bà Trần Thị G đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng cố tình vắng mặt tại các buổi làm việc cũng như tại phiên tòa xét xử nên không có lời trình bày.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký tòa án và đương sự tham gia tố tụng tại phiên tòa là đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Hôn nhân giữa ông K và bà G là hôn nhân hợp pháp. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu xin ly hôn của ông K có căn cứ.

Về con chung: Hiện hai con chung tên Võ Thị Minh C, sinh năm 1982 và Võ Đăng K, sinh năm 1984. Các con chung đã trưởng thành và có khả năng lao động nên đề nghị Hội đồng xét xử không giải quyết.

Về tài sản và nợ chung: Đương sự khai không có nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về án phí: Ông Võ Văn K là người cao tuổi nên được miễn án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Trần Thị G cư trú tại phường Bửu Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai. Tòa án đã tống đạt hợp lệ cho bà G về việc thụ lý vụ án, làm việc, hòa giải, công khai chứng cứ và tham gia phiên tòa. Bà G cố tình vắng mặt. Ông Võ Văn K có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa xét xử. Căn cứ Điều 227, 238 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Ông K và bà G chung sống với nhau trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn năm 1974 tại Ủy ban nhân dân xã Tân Hạnh, Quận Dĩ An, Tỉnh Biên Hòa (nay là phường Tân Hạnh, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai) nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Theo lời khai của ông K thì vợ chồng chung sống với nhau không hạnh phúc, nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, không có tiếng nói chung nên thường xuyên gây gỗ nhau và đã sống ly thân từ năm 2010 đến nay. Tình cảm vợ chồng không còn nên ông K đề nghị Tòa án giải quyết được ly hôn với bà G để ông ổn định cuộc sống mới. Xét thấy mâu thuẫn giữa ông K và bà G thật sự trầm trọng không thể hàn gắn được, ông và bà G đã sống ly thân, Tòa án đã tạo điều kiện hòa giải hàn gắn đoàn tụ nhưng ông K cương quyết ly hôn không đồng ý đoàn tụ. Do vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông K về việc ly hôn với bà Trần Thị G.

[3] Về con chung: Ông K và bà G có 02 con chung là Võ Thị Minh C, sinh năm 1982 và Võ Đăng K, sinh năm 1984. Các con chung đã trưởng thành và có khả năng lao động nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[4] Về tài sản chung: Đương sự khai không có nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[5] Về nợ chung: Đương sự khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Căn cứ quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2006 của Ủy ban thường vụ Quốc hội thì ông Võ Văn K được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

[7] Ý kiến của Viện kiểm sát phù hợp nhận định của Hội đồng xét xử nên cần ghi nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Điều 28, khoản 4 Điều 147, Điều 203, Điều 207 và Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ các Điều 5, 7 và 40 Luật Hôn nhân gia đình năm 1986; Điều 51, 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và 131 Luật hôn nhân gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Võ Văn K.

1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Võ Văn K được ly hôn với bà Trần Thị G.

2.Về Con chung: Ông K và bà G có 02 con chung là Võ Thị Minh C, sinh năm 1982 và Võ Đăng K, sinh năm 1984. Các con chung đã trưởng thành và có khả năng lao động nên Hội đồng xét xử không giải quyết

3.Về tài sản chung và nợ chung: Không đặt ra xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Ông Võ Văn K được miễn án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Các đương sự được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
- Các đương sự (2);
- VKSND TP.Biên Hòa (2);
- Chi cục THA dân sự TP.Biên Hòa (1);
- TAND tỉnh Đồng Nai (1);
- UBND P.Tân Hạnh, Tp.Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai (1);
- Lưu hồ sơ vụ án (1);
- Lưu văn phòng (1).

Nguyễn Triều Châu